

Số: 169/QĐ-CNTTH

Huế, ngày 19 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá cụ thể các dịch vụ khai thác tài sản đường sắt¹ do
Chi nhánh Khai thác đường sắt Thừa Thiên Huế quản lý, khai thác

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH KHAI THÁC ĐƯỜNG SẮT THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-ĐS ngày 19/12/20214 của Tổng Giám Đốc Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc thành lập Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam – Khai thác đường sắt Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-ĐS ngày 02/7/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác tài sản đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-ĐS ngày 15/8/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc phê duyệt giá tối thiểu các dịch vụ khai thác tài sản đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh và Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá cụ thể dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt để lắp đặt trạm sạc xe điện do Chi nhánh Khai thác đường sắt Thừa Thiên Huế quản lý, khai thác (chi tiết trong Phụ lục kèm theo Quyết định này).

¹ Trong Quyết định này, Tài sản đường sắt bao gồm: 1) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý giao cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; 2) Tài sản thuộc sở hữu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam gồm nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc trên đất không thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

2.1. Phòng Kế hoạch Kinh doanh và Tài chính Kế toán phối hợp Văn phòng Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các ga trực thuộc thực hiện niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và tại các địa điểm cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh.

2.2. Trong hợp đồng cung cấp dịch vụ nêu rõ giá dịch vụ sẽ được điều chỉnh khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

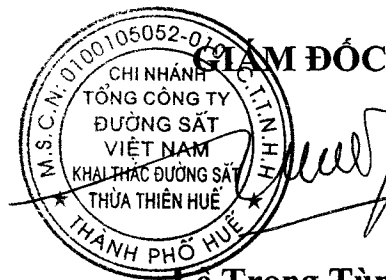
- a. Có sự biến động của thị trường đối với dịch vụ. Tỷ lệ điều chỉnh tối thiểu bằng chỉ số CPI bình quân năm liền kề trước đó;
- b. Chế độ chính sách mới của Nhà nước tác động, ảnh hưởng hoặc cấp có thẩm quyền ban hành giá dịch vụ mới;
- c. Có thay đổi về kết cấu hạ tầng (cải tạo, nâng cấp, xây mới) để nâng cao chất lượng dịch vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Trưởng các Phòng: Kế hoạch Kinh doanh và Tài chính Kế toán, Tổ chức hành chính, Giám sát kỹ thuật và An toàn giao thông đường sắt; Trưởng các ga trực thuộc và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng công ty ĐSVN (để b/c);
- Lưu: VT, KHKD&TCKT.

**Lê Trọng Tùng**

PHỤ LỤC

**Giá cụ thể dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng
đường sắt để lắp đặt trạm sạc xe điện do Chi nhánh Khai thác
đường sắt Thừa Thiên Huế quản lý, khai thác**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 169 /QĐ-CNTTH ngày 13/8/2025 của
Giám đốc Chi nhánh Khai thác đường sắt Thừa Thiên Huế)*

STT	Nội dung	Mã hóa	Đơn vị tính	Đơn giá tối thiểu	Ghi chú
	Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt để lắp đặt trạm sạc xe điện				
a	Khu vực các ga: Đồng Hới, Đồng Hà, Huế	PL1.1	Đồng/m ² /tháng	110.000	
b	Khu vực các ga: Mỹ Đức, Mỹ Trạch, Hà Thanh, Quảng Trị, Diên Sanh, Mỹ Chánh, Phò Trạch, Văn Xá, Hương Thủy, Truồi, Cầu Hai, Thừa Lưu, Lăng Cô, Kim Liên	PL1.2	Đồng/m ² /tháng	100.000	
c	Khu vực các ga còn lại	PL1.3	Đồng/m ² /tháng	95.000	

Giá dịch vụ trên đã bao gồm tiền nộp NSNN 20% (đối với tài sản nhóm 1), tiền thuê đất (đối với tài sản nhóm 2) và chi phí quản lý, khai thác tài sản; chưa bao gồm các loại thuế giá trị gia tăng, phí, lệ phí, bảo hiểm và các chi phí phát sinh khác (nếu có) khi khai thác tài sản theo quy định pháp luật hiện hành.